

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 18 - 12 - 2019

V/v “*Trah chấp Ly hôn, con chung,
chia tài sản chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Mơ và bà Hoàng Thị Tám

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc nông;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Tâm– Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 80/2017/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2019; Quyết định ngừng phiên tòa số: 01/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2019; Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số: 03/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 8 năm 2019; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số: 04/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2019; Thông báo mở lại phiên tòa số: 01/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 11 năm 2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 03/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 26 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị Doãn Thị Tr – có mặt.

Địa chỉ: Thôn 9, xã Nb, huyện ĐS, tỉnh Đắc Nông.

Bị đơn: Anh Phan Văn Đ – có mặt.

Địa chỉ: Thôn RL, xã ĐH, huyện ĐS, tỉnh Đắc Nông.

Người bảo vệ nguyên lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Doãn Thị Tr: Ông Nguyễn Huy H, luật sư của Công ty luật TNHH Hai thành viên Bình Minh tại Đắc Lắc, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng. – Vắng mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Công ty TNHH MTV Ngân hàng C

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T - Giám đốc Ngân hàng, chi nhánh huyện Đắc Song- có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn ĐA, huyện Đắc Song

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Đ

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Thanh L; chức vụ: Chủ tịch công ty – Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn RL, xã ĐH, huyện ĐS, tỉnh Đắk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/5/2017 và tại các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Doãn Thị Tr trình bày: Chị Doãn Thị Tr và anh Phan Văn Đ lập gia đình với nhau từ năm 2006 có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐS (nay xã NB, huyện ĐS, tỉnh Đắk Nông, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Trong thời gian chung sống chị Tr, anh Đ có 03 người con chung là cháu Phan Văn B, sinh ngày 12/12/2005, cháu Phan Thị D, sinh ngày 26/10/2007, cháu Phan Văn U, sinh ngày 14/10/2009. Từ khi chung sống chị Tr và anh Đ hạnh phúc với nhau được thời gian đầu sau đó thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau, Vì vậy chị Tr và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 6/2016. Thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Tr đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tình cảm hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Phan Văn Đ.

Về con chung: Chị Doãn Thị Tr muốn nuôi con gái là Phan Thị D, sinh ngày 26/10/2007 và để anh Phan Văn Đ nuôi hai con Phan Văn B, sinh ngày 12/12/2005 và Phan Văn U, sinh ngày 14/10/2009 đến tuổi trưởng thành, các bên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; Trong thời gian hôn nhân chị Tr và anh Đ có các tài sản chung sau:

Tài sản thứ nhất: Thửa đất thuộc khoảnh 5, tiểu khu 1112 có vị trí tọa độ X 0409857-Y1359282 nằm trong diện tích đất công ty lâm nghiệp Đức Hòa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM880978 do UBND tỉnh cấp ngày 11/11/2008 thuộc xã Đắk Hòa, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông có diện tích 12.224.7m² và toàn bộ tài sản trên đất.

Tài sản thứ hai: Thửa đất số 38a1, tờ bản đồ số 54 tọa lạc tại thôn 3 Rừng Lạnh, xã Đắk Hòa, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông và toàn bộ tài sản trên đất, có diện tích 500m² đất nông nghiệp nhưng có 10 ngang mặt giáp tỉnh lộ 682 dài 50m; qua khảo sát giá đất tại thôn 3 Rừng lạnh, xã Đắk Hòa, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

Tài sản thứ ba: Thửa đất số 38a, tờ bản đồ số 54 tọa lạc tại thôn 3 Rừng Lạnh, xã Đắk Hòa, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông và toàn bộ tài sản trên đất, có diện tích 600m² đất nông nghiệp nhưng có 12 ngang mặt giáp tỉnh lộ 682 dài 50m có thể chuyển đổi đất thổ cư làm nhà ở và qua khảo sát giá đất tại thôn 3 Rừng lạnh, xã Đắk Hòa, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông và diện tích 11.375m² đất phía sau trồng cây lâu năm.

Quá trình giải quyết quyết vụ án chị Tr yêu cầu chia tài sản chung nói trên tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Doãn Thị Tr xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung.

Tại bản tự khai và các văn bản khác trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn Phan Văn Đ trình bày: Anh Đ và chị Tr chung sống với nhau như chị Tr đã trình bày, việc chị Tr xin ly hôn với anh thì anh vẫn còn tình cảm với chị Tr nhưng chị Tr kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung anh Đ và chị Doãn Thị Tr muốn thỏa thuận là chị Tr nuôi con gái là Phan Thị D, sinh ngày 26/10/2007 và để anh Phan Văn Đ nuôi hai con Phan Văn B, sinh ngày 12/12/2005 và Phan Văn U, sinh ngày 14/10/2009 đến tuổi trưởng thành, các bên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án lúc anh không đồng ý với ý kiến của chị Tr đề nghị chia theo pháp luật anh mong muốn vợ chồng tự thỏa thuận, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Tr rút yêu cầu chia tài sản đề về thỏa thuận anh đồng ý

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Công ty TNHH MTV Ngân hàng C trình bày: Chị Doãn Thị Tr, anh Phan Văn Đ có vay của Ngân hàng chúng tôi số tiền gốc 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) từ năm 2016, tuy nhiên trước phiên tòa hôm nay chị Tr và anh Đ có đến Ngân hàng để giải quyết việc trả nợ, vì vậy phía ngân hàng chúng tôi có đơn xin rút yêu cầu độc lập đối với yêu cầu Tòa án buộc chị Tr, anh Đ phải trả cho Ngân hàng chúng tôi số tiền gốc 200.000.000 đồng và lãi suất phát sinh.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Phan Thị Đ trình bày: Chị có cho anh Đ, chị Tr vay 300kg cà phê nhân, từ năm 2012 – 2013, chị sẽ yêu cầu sau;

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Phan Văn M trình bày: Anh có cho anh Đ, chị Tr vay số tiền 200.000.000 đồng, việc vay mượn chỉ có anh Đ ký, sau này anh sẽ yêu cầu sau,

Đại diện Công ty TNHH MTV Đ - ông Hoàng Thanh L trình bày: Đối với diện tích đất anh Đ và chị Tr đang sử dụng là thuộc khoảnh 5, tiểu khu 1112 có vị trí tọa độ X 0409857-Y1359282 nằm trong diện tích đất công ty lâm nghiệp Đức Hòa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM880978 do UBND tỉnh cấp ngày 11/11/2008 thuộc xã Đắc Hòa, huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông có diện tích 12.224.7m² hiện nay công ty đang rà soát giải quyết những khó khăn vướng mắc của các công ty lâm nghiệp nói chung, sau khi phương án được hoàn thiện và phê duyệt thì công ty đề nghị các đương sự trả lại đất để công ty triển khai thực hiện sau.

Trong quá trình giải quyết vụ án có nội dung yêu cầu anh Đ khai nợ nhiều cá nhân nhưng anh không nộp tạm ứng án phí, không yêu cầu đề nghị giải quyết và họ cũng không yêu cầu độc lập nên Tòa án không đưa tham gia tố tụng và giải quyết.

Trong quá trình làm việc Tòa án đã tiến hành hoà giải đoàn tụ và về quyền nuôi con sau ly hôn nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình xin được ly hôn. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] - Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn chị Doãn Thị Tr khởi kiện anh Phan Văn Đ về tranh chấp “Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn có địa chỉ tại thôn 3 Rừng Lạnh, xã Đắc Hòa, huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắc Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty Lâm nghiệp Đúc Hòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Doãn Thị Tr và anh Phan Văn Đ kết hôn trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NB, huyện ĐS, tỉnh Đắc Nông vào năm 2006 nên HĐXX xét thấy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian đầu chung sống anh chị hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau dẫn đến tình trạng cãi vã. Chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau. Hiện chị Tr và anh Đ cũng đã đã ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Theo xác minh tại hàng xóm nơi chị Tr và anh Đ chung sống thì hai vợ chồng anh chị thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nhiều năm nay. Tại phiên tòa hôm nay giữa chị Doãn Thị Tr và anh Phan Văn Đ thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của chị Doãn Thị Tr và anh Phan Văn Đ.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa anh Phan Văn Đ và chị Doãn Thị Tr thỏa thuận: Giao chị Doãn Thị Tr nuôi con gái Phan Thị Duyên, sinh ngày 26/10/2007. Giao anh Phan Văn Đ nuôi hai con trai Phan Văn Bảo, sinh ngày 12/12/2005 và Phan Văn Uy, sinh ngày 14/10/2009 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, các bên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận thuận của chị Doãn Thị Tr và anh Phan Văn Đ.

Anh Đ, chị Tr có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Đ, chị Tr lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Đ hoặc chị Tr. Hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Tại phiên tòa nguyên đơn chị Doãn Thị Tr xin rút yêu cầu về việc chia tài sản chung, bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự Đình chỉ phân chia tài sản chung của đương sự

[5] Về nợ chung: Tại phiên tòa đại diện Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu đọc lập Công ty TNHH MTV Ngân hàng C có đơn xin rút yêu cầu đọc lập về khoản nợ chung của anh Đ, chị Tr 200.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự Đình chỉ phần yêu cầu đọc lập của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu đọc lập Công ty TNHH MTV Ngân hàng C.

[6] Đối với diện tích đất anh Đ và chị Tr đang sử dụng là thuộc khoảnh 5, tiểu khu 1112 có vị trí tọa độ X 0409857-Y1359282 nằm trong diện tích đất Công ty lâm nghiệp Đức Hòa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM880978 do UBND tỉnh cấp ngày 11/11/2008 thuộc xã Đắc Hòa, huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông có diện tích 12.224.7m² hiện nay Công ty lâm nghiệp Đ chưa yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về tiền chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản là 5.000.000 đồng chị Doãn Thị Tr nhận nộp toàn bộ chi phí trên được trừ vào số tiền tạm ứng chị Tr đã nộp 5.000.000 đồng.

[8] Về tiền án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng chị Doãn Thị Tr phải nộp số tiền trên, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp, hoàn trả lại cho chị Tr số tiền tạm ứng án phí còn lại.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 246; Điều 264; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 33, 51, 53, 56, 58, 59, 62, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Doãn Thị Tr

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Doãn Thị Tr và anh Phan Văn Đ.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Doãn Thị Tr và anh Phan Văn Đ thuận tình ly hôn.

2.2 Về con chung: Anh Phan Văn Đ và chị Doãn Thị Tr thỏa thuận: Giao chị Doãn Thị Tr nuôi con gái Phan Thị D, sinh ngày 26/10/2007. Giao anh Phan Văn Đ nuôi hai con trai Phan Văn B, sinh ngày 12/12/2005 và Phan Văn U, sinh ngày 14/10/2009 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, các bên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đ, chị Tr có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Đ, chị Tr lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Đ hoặc chị Tr. Hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về tài sản chung và công nợ: Áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của đương sự do nguyên đơn rút yêu cầu chia tài sản chung.

Đình chỉ yêu cầu trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) và lãi suất phát sinh của Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập Công ty TNHH MTV Ngân hàng C do đương sự rút đơn yêu cầu độc lập.

3. Về tiền chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) chị Doãn Thị Tr nhận nộp toàn bộ chi phí trên được trừ vào số tiền tạm ứng chị Tr đã nộp 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chị Doãn Thị Tr phải nộp toàn bộ số tiền trên, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 11.300.000 đồng (*Mười một triệu ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0003577 ngày 29 tháng 5 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Hoàn trả cho chị Doãn Thị Tr số tiền còn lại là 11.000.000 (*Mười một triệu đồng*) đồng.

Hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV Ngân hàng C, Chi nhánh huyện Đắk Song số tiền tạm ứng án phí là 5.833.000 (*Năm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng*) theo biên lai số 0004725 ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.”

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phan Xuân Hoàng

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Trang đồng ý để lại toàn bộ tài sản chung cho anh Đ với điều kiện anh Đ phải giao cho chị Trang 500.000.000đ và trả các khoản nợ chung, nếu anh Đ không đồng ý thì chị Trang yêu cầu phân chia theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Đ không đồng ý theo yêu cầu của chị Trang và cũng không đồng ý chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ xác định tài sản anh Đ và chị Trang đang sử dụng bao gồm: Diện tích đất:

1. Tài sản thứ nhất: Thửa đất thuộc khoảnh 5, tiểu khu 1112 có vị trí tọa độ X 0409857-Y1359282 nằm trong diện tích đất công ty lâm nghiệp Đức Hòa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM880978 do UBND tỉnh cấp ngày 11/11/2008 thuộc xã Đắc Hòa, huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông và toàn bộ tài sản trên đất, cụ thể:

+ Về đất: Thửa đất có diện tích $12.224.7m^2$, có tứ cận: phía Đông giáp đồi rừng dài 159,8m; phía tây giáp suối dài 159,8m; phía nam giáp đường mòn đi dài 81,6m; phía bắc giáp rừng dài 71m, do đất rừng nên không căn cứ theo giá thị trường mà căn cứ vào Quyết định 31/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh Đắc Nông, tại phụ lục A của Quyết định thì đất rừng sản xuất trồng cây lâu năm có giá là 16.000/ m^2 tại thời điểm tiến hành định giá thì giá trị của thửa đất trên là $12.224.7m^2 \times 16.000đ = 195.595.000$ đồng; 01 ao chứa nước có diện tích 09m x 33m sâu 2.5m có giá trị là 22.000.000 đồng.

+ Về tài sản trên đất do anh Phan Văn Đ, chị Doãn Thị Tr trồng:

- Cà phê vối trồng năm 2012: Có 839 cây loại B có giá trị là $839 \times 227.000đ = 190.453.000$ đồng.

- Cà phê vối trồng năm 2015: Có 267 cây loại C có giá trị là $839 \times 184.000đ = 49.128.000$ đồng.

1128 cây gòn có tiêu leo có giá trị là 1128×60.000 đồng = 67.680.000 đồng

1128 dây tiêu trồng trên cây gòn loại C có giá trị là $1128 \times 113.000đ = 127.464.000đ$

*** Tổng giá trị tài sản đất số khoảnh 5, tiểu khu 1112 thuộc công ty Lâm nghiệp Đức Hòa tọa lạc tại xã Đắc Hòa, huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông và toàn bộ tài sản trên đất là: 652.320.000 – 195.595.000 đồng (giá trị đất không tính) = 456.725.000 đồng.**

2. Tài sản thứ hai:

Về thửa đất số 38a1, tờ bản đồ số 54 tọa lạc tại thôn 3 Rừng Lạnh, xã Đắc Hòa, huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông và toàn bộ tài sản trên đất, có diện tích $500m^2$ đất nông nghiệp nhưng có 10 ngang mặt giáp tỉnh lộ 682 dài 50m; qua khảo sát giá đất tại thôn 3 Rừng lạnh, xã Đắc Hòa, huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông tại thời điểm tiến hành định giá thì giá trị của thửa đất trên là 300.000.000 đồng.

Tài sản trên đất: + 01 căn nhà cấp 3 mái thái có diện tích 09m x 13.61m = diện tích $122.49m^2$, móng đá hộc, trụ bê tông, cửa gỗ, nền gạch men, tường gạch 20, cột nhà bằng bê tông, mái lợp ngói nhật, hiên trần nhà đỡ mê, phòng khách không đóng la phong,

phòng bếp, phòng ngủ đóng la phong gỗ xoan đào và 01 nhà tắm gắn liền với nhà chính. Căn nhà vẫn đang sử dụng ổn định, giá trị sử dụng còn khoảng 80%.

Có giá trị là 650.000.000 đồng.

+ 01 bồn inox chứa nước loại 1000 lít có giá trị là 3.000.000 đồng, năng lượng mặt trời 6.500.000 đồng.

+ 01 giếng nước đường kính 90cm, sâu khoảng 27m, có nắp đậy bằng bê tông

Có giá trị là 10.000.000 đồng.

01Hầm rút 3.000.000đồng

+ Cổng rào xây gạch 04 lỗ chưa hoàn thiện có giá 6.000.000 đồng.

*** Tổng giá trị tài sản đất số thửa số 38a1, tờ bản đồ 54 tọa lạc tại thôn 3 Rừng Lạnh, xã Đăk Hòa, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông và toàn bộ tài sản trên đất là 978.500.000 đồng.**

3. Tài sản thứ ba: Thửa đất số 38a, tờ bản đồ số 54 tọa lạc tại thôn 3 Rừng Lạnh, xã Đăk Hòa, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông và toàn bộ tài sản trên đất, có diện tích 600m² đất nông nghiệp nhưng có 12 ngang mặt giáp tỉnh lộ 682 dài 50m có thể chuyển đổi đất thổ cư làm nhà ở và qua khảo sát giá đất tại thôn 3 Rừng lạnh, xã Đăk Hòa, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông tại thời điểm tiến hành định giá thì giá trị của thửa đất trên là 360.000.000 đồng và diện tích 11.375m² đất phía sau trồng cây lâu năm có giá là 450.000.000 đồng.

Tài sản trên thửa đất 38a gồm

- Cà phê: 840 cây tiêu trồng năm 1995, trong đó:

Loại B: 540 cây. Có giá trị là $540 \times 227.000đ = 122.580.000$ đồng

Loại C: 1049 cây. Có giá trị là $300 \times 113.000đ = 55.200.000$ đồng

- 1080 cây tiêu trồng năm 2016, trong đó:

Loại A: 31 cây có giá trị là $31 \times 202.000đ = 6.262.000$ đồng.

Loại C: 1049 cây có giá trị là $1049 \times 113.000đ = 118.537.000$ đồng

- 914 cây gòn có tiêu leo có giá trị là 914×60.000 đồng = 54.840.000 đồng

- 01 cây bơ trồng năm 2015 có giá trị là $01 \times 300.000đ = 600.000$ đồng.

- 03 cây bơ trồng năm 2000 có giá trị là 03×750.000 đồng = 2.250.000đồng.

- 14 cây sầu riêng trồng năm 2010 có giá trị là $14 \text{ cây} \times 500.000đ = 7.000.000$ đồng.

- 18 cây mít trồng năm 2000 có giá trị là $18 \times 800.000đ = 14.400.000$ đồng.

- 10 cây muồng đen năm 1999 có giá trị là $01 \times 1.000.000đ = 1.000.000$ đồng.

- 55 trụ gỗ dậu đất có giá trị là $55 \times 250.000đ = 13.750.000$ đồng

Tổng giá trị tài sản trên đất là: 396.019.000 đồng

*** Tổng giá trị tài sản đất số 38a, tờ bản đồ số 54 tọa lạc tại thôn 3 Rừng Lạnh, xã Đăk Hòa, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông và toàn bộ tài sản trên đất là: 1.206.019.000 đồng.**

Trong số các tài sản nêu trên đối với thửa đất thuộc khoảnh 5, tiểu khu 1112 có vị trí tọa độ X 0409857-Y1359282 nằm trong diện tích đất công ty lâm nghiệp Đức Hòa

được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM880978 do UBND tỉnh cấp ngày 11/11/2008 thuộc xã Đắc Hòa, huyện Đắc Song, tỉnh Đắk Nông có diện tích 12.224.7m², có tứ cận: phía Đông giáp đồi rừng dài 159,8m; phía tây giáp suối dài 159,8m; phía nam giáp đường mòn đi dài 81,6m; phía bắc giáp rừng dài 71m. Qua xác minh xác định được toàn bộ diện tích là của Công ty TNHH MTV Đức Hòa (Công ty Lâm nghiệp Đắc Mol cũ) quản lý. Như vậy đối với toàn bộ diện tích đất 12.224.7m² chị Trang yêu cầu phân chia không thuộc thẩm quyền của toà án mà thuộc thẩm quyền của cơ quan quản lý và bảo vệ rừng nên HĐXX không xem xét. HĐXX chỉ xem xét phân chia tài sản gắn liền trên đất và các tài sản khác. Tuy nhiên tài sản trên diện tích đất có tài sản gắn liền trên đất do anh Đ chị Tr tạo dựng phía Công ty TNHH MTV Đức Hòa chưa có yêu cầu nên khi phân chia tài sản gắn liền trên đất cần tạm giao cho các bên diện tích đất có tài sản gắn liền trên đất. Để đảm bảo cho việc canh tác và sử dụng tài sản HĐXX xét thấy cần phân chia tài sản trên cơ sở thuận tiện cho việc sử dụng, canh tác hoa lợi.

Tại biên bản định giá ngày xác định **Tổng giá trị 03 thửa đất gồm thửa đất thuộc khoảnh 5 tiểu khu 1112 và thửa đất số 38a1, 38a tờ bản đồ số 54 tọa lạc tại thôn 3Rừng Lạnh, xã Đắc Hòa, huyện Đắc Song, tỉnh Đắk Nông và toàn bộ tài sản trên hai thửa đất là: 2.641.244.000 đồng.**

Về nợ chung:

Quá trình giải quyết vụ án chị Tr và anh Đ kê khai nợ chung có khoản nợ thống nhất được, có khoản nợ không thống nhất được tuy nhiên Chị Tr và anh Đ không nộp tiền tạm ứng án phí để yêu cầu chia nợ chung nên hội đồng xét xử không xem xét, tách ra khi có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Ngân hàng nông nghiệp có yêu cầu độc lập về việc buộc chị Tr, anh Đ trả số tiền nợ 200.000. 000 đồng. HĐXX xét thấy trong thời kỳ hôn nhân chị Tr có vay ngân hàng 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 5305LA201602332 ngày 08/6/2016 để về làm nhà, chi tiêu trong gia đình thời hạn 36 tháng, khi ký hợp đồng thì chỉ có một mình chị Tr ký vay nhưng khi nhận tiền thì anh Đ biết và có dung số tiền vay để trả nợ và sinh hoạt chung trong gia đình, vì vậy có cơ sở để buộc anh Đ chị Tr phải trả khoản nợ này cho ngân hàng nông nghiệp.

Về tiền chi phí tố tụng: Chị Doãn Thị Tr và anh Phan Văn Đ mỗi người phải chịu ½ chi phí. Chị Doãn Thị Tr đã nộp tạm ứng chi phí định giá 4.850.000đ, nên anh Đ phải hoàn trả cho chị Trang 2.425.000đ.

Về tiền án phí: Chị Tr có đơn xin miễn, giảm án phí tuy nhiên chị không cung cấp được gia đình chị thuộc diện hộ nghèo hay cận nghèo theo quy định để có cơ sở giải quyết, hơn nữa trong thời kỳ hôn nhân chị Tr, anh Đ có tài lớn khi ly hôn được chia nên không chấp nhận giảm, miễn án phí. Các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của Mai, ông Uân được chấp nhận nên ông Toàn và bà Đồng phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải nộp án phí hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; Điều 264; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 213, 218, 219, 220 Bộ luật dân sự;

Áp dụng các Điều 33, 51, 53, 56, 58, 59, 62, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Doãn Thị Tr

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Doãn Thị Tr được ly hôn với anh Phan Văn Đ.

2. Về con chung: Giao chị Doãn Thị Tr nuôi con gái là Phan Thị Duyên, sinh ngày 26/10/2007 anh Phan Văn Đ nuôi hai con Phan Văn Bảo, sinh ngày 12/12/2005 và Phan Văn Uy, sinh ngày 14/10/2009 đến tuổi trưởng thành, các bên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đ, chị Tr có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này.

Trong trường hợp anh Đ, chị Tr lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Đ hoặc chị Tr.

Hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản chung:

3.1 Giao cho chị Doãn Thị Tr được toàn quyền sử dụng, định đoạt quyền sử dụng đất đối với một phần Thửa đất số 38a, tờ bản đồ số 54 tọa lạc tại thôn 3 Rừng Lạnh, xã Đăk Hòa, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông và toàn bộ tài sản trên đất, có diện tích 300m² đất nông nghiệp; có tứ cận: nhưng có 06 ngang mặt giáp tỉnh lộ 682 dài 50m có thể chuyển đổi đất thổ cư làm nhà ở và qua khảo sát giá đất tại thôn 3 Rừng lạnh, xã Đăk Hòa, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông tại thời điểm tiến hành định giá thì giá trị của thửa đất trên là 360.000.000 đồng và diện tích 11.375m² đất phía sau trồng cây lâu năm có giá là 450.000.000 đồng.

Tài sản trên thửa đất 38a gồm

- Cà phê: 840 cây tiêu trồng năm 1995, trong đó:

Loại B: 540 cây. Có giá trị là 540 x 227.000đ = 122.580.000 đồng

Loại C: 1049 cây. Có giá trị là 300 x 113.000đ = 55.200.000 đồng

- 1080 cây tiêu trồng năm 2016, trong đó:

Loại A: 31 cây có giá trị là 31 x 202.000đ = 6.262.000 đồng.

Loại C: 1049 cây có giá trị là $1049 \times 113.000đ = 118.537.000$ đồng

- 914 cây gòn có tiêu leo có giá trị là 914×60.000 đồng = 54.840.000 đồng
- 01 cây bơ trồng năm 2015 có giá trị là $01 \times 300.000đ = 600.000$ đồng.
- 03 cây bơ trồng năm 2000 có giá trị là 03×750.000 đồng = 2.250.000đồng.
- 14 cây sầu riêng trồng năm 2010 có giá trị là $14 \text{ cây} \times 500.000đ = 7.000.000$
- 18 cây mít trồng năm 2000 có giá trị là $18 \times 800.000đ = 14.400.000$ đồng.
- 10 cây muồng đen năm 1999 có giá trị là $01 \times 1.000.000đ = 1.000.000$ đồng.
- 55 trụ gỗ dàu đất có giá trị là $55 \times 250.000đ = 13.750.000$ đồng

Tổng giá trị tài sản trên đất là: 396.019.000 đồng

*** Tổng giá trị tài sản đất số 38a, tờ bản đồ số 54 tọa lạc tại thôn 3 Rừng Lạnh, xã Đăk Hòa, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông và toàn bộ tài sản trên đất là: 1.206.019.000 đồng (1.026.019.000).**

3.2 Tạm giao cho anh Phan Văn Đ được toàn quyền sử dụng đối với Thửa đất thuộc khoảnh 5, tiểu khu 1112 có vị trí tọa độ X 0409857-Y1359282 nằm trong diện tích đất công ty lâm nghiệp Đức Hòa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM880978 do UBND tỉnh cấp ngày 11/11/2008 thuộc xã Đăk Hòa, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông và toàn bộ tài sản trên đất, cụ thể:

+ Về đất: Thửa đất có diện tích $12.224.7m^2$, có tứ cận: phía Đông giáp đồi rừng dài 159,8m; phía tây giáp suối dài 159,8m; phía nam giáp đường mòn đi dài 81,6m; phía bắc giáp rừng dài 71m, do đất rừng nên không căn cứ theo giá thị trường mà căn cứ vào Quyết định 31/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh Đăk Nông, tại phụ lục A của Quyết định thì đất rừng sản xuất trồng cây lâu năm có giá là 16.000/ m^2 tại thời điểm tiến hành định giá thì giá trị của thửa đất trên là $12.224.7m^2 \times 16.000đ = 195.595.000$ đồng; 01 ao chứa nước có diện tích 09m x 33m sâu 2.5m có giá trị là 22.000.000 đồng.

+ Về tài sản trên đất do anh Phan Văn Đ, chị Doãn Thị Tr trồng:

- Cà phê vối trồng năm 2012: Có 839 cây loại B có giá trị là $839 \times 227.000đ = 190.453.000$ đồng.

- Cà phê vối trồng năm 2015: Có 267 cây loại C có giá trị là $839 \times 184.000đ = 49.128.000$ đồng.

1129 cây gòn có tiêu leo có giá trị là 1128×60.000 đồng = 67.680.000 đồng

1128 cây tiêu trồng trên cây gòn loại C có giá trị là $1128 \times 113.000đ = 127.464.000đ$

*** Tổng giá trị tài sản đất số khoảnh 5, tiểu khu 1112 thuộc công ty Lâm nghiệp Đức Hòa tọa lạc tại xã Đăk Hòa, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông và toàn bộ tài sản trên đất là: 652.320.000 – 195.595.000 đồng (giá trị đất không tính) = 456.725.000 đồng.**

2. Tài sản thứ hai: Giao cho anh Phan Văn Đ được toàn quyền sử dụng, định đoạt quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 38a1, tờ bản đồ số 54 tọa lạc tại thôn 3 Rừng Lạnh, xã Đăk Hòa, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông và toàn bộ tài sản trên đất, có diện tích $500m^2$ đất nông nghiệp nhưng có 10 ngang mặt giáp tỉnh lộ 682 dài 50m; qua khảo

sát giá đất tại thôn 3 Rừng lạnh, xã Đắc Hòa, huyện Đắc Song, tỉnh Đắk Nông tại thời điểm tiến hành định giá thì giá trị của thửa đất trên là 300.000.000 đồng.

Tài sản trên đất: + 01 căn nhà cấp 3 mái thái có diện tích 09m x 13.61m = diện tích 122.49m², móng đá hộc, trụ bê tông, cửa gỗ, nền gạch men, tường gạch 20, cột nhà bằng bê tông, mái lợp ngói nhật, hiên trần nhà đỡ mê, phòng khách không đóng la phong, phòng bếp, phòng ngủ đóng la phong gỗ xoan đào và 01 nhà tắm gắn liền với nhà chính. Căn nhà vẫn đang sử dụng ổn định, giá trị sử dụng còn khoảng 80%.

Có giá trị là 650.000.000 đồng.

+ 01 bồn inox chứa nước loại 1000 lít có giá trị là 3.000.000 đồng, năng lượng mặt trời 6.500.000 đồng.

+ 01 giếng nước đường kính 90cm, sâu khoảng 27m, có nắp đậy bằng bê tông

Có giá trị là 10.000.000 đồng.

01Hầm rút 3.000.000đồng

+ Cổng rào xây gạch 04 lỗ chưa hoàn thiện có giá 6.000.000 đồng.

*** Tổng giá trị tài sản đất số thửa số 38a1, tờ bản đồ 54 tọa lạc tại thôn 3 Rừng Lạnh, xã Đắc Hòa, huyện Đắc Song, tỉnh Đắk Nông và toàn bộ tài sản trên đất là 978.500.000 đồng.**

Giao cho anh Phan Văn Đ được toàn quyền sử dụng, định đoạt quyền sử dụng đối với một phần thửa đất Thửa đất số 38a, tờ bản đồ số 54 tọa lạc tại thôn 3 Rừng Lạnh, xã Đắc Hòa, huyện Đắc Song, tỉnh Đắk Nông và toàn bộ tài sản trên đất, có diện tích 300m² đất nông nghiệp nhưng có 06 ngang mặt giáp tỉnh lộ 682 dài 50m

4. Về nợ chung:

+ Buộc chị Doãn Thị Tr phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp số tiền gốc 100.000.000 đồng cùng lãi suất (tính đến ngày xét xử 26/7/2019). Tổng cộng là đồng, chị Tr tiếp tục chịu lãi suất tiếp theo trên số lãi gốc còn lại chưa trả theo hợp đồng đã ký kết.

+ Buộc anh Phan Văn Đ phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp số tiền gốc 100.000.000 đồng cùng lãi suất (tính đến ngày xét xử 26/7/2019). Tổng cộng là đồng, anh Đ tiếp tục chịu lãi suất tiếp theo trên số lãi gốc còn lại chưa trả theo hợp đồng đã ký kết.

5. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản là 4.850.000 đồng mỗi người phải chịu ½ số tiền trên. Chị Doãn Thị Tr đã nộp tạm ứng chi phí trên. Buộc anh Phan Văn Đ phải trả lại cho chị Doãn Thị Tr số tiền 2.425.000đồng (Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng)

6. Về án phí:

+ Chị Doãn Thị Tr phải chịu án phí dân sự về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia là đồng (.....), và án phí chia nợ chung là..... Tổng cộng là đồng (.....) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tr đã nộp là 11.300.000 đồng (Mười một triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003577 ngày 29/5/2017 của Chi

cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Chị Doãn Thị Tr còn phải nộp số tiền (.....).

+ Anh Phan Văn Đ chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia làđồng (.....) và án phí chia nợ chung là.....

Trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp số tiền tạm ứng án phí là 5.833.000 đồng (Năm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng) theo biên lai số 0004725 ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

Nếu chị Doãn Thị Tr, anh Phan Văn Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH MTV Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Song phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số AN968335 và quyền sử dụng đất BA 122458 giấy chứng nhận QSD Đất mang tên của chị Doãn Thị Tr, anh Phan Văn Đ số ngày ../../2016.được Công chứng, chứng thực tại, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, để thu hồi toàn bộ số nợ và lãi phát sinh (nếu có).

7. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và lợi ích của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và lợi ích của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.”

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận

- STP tỉnh Đắk Nông;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk Song;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- UBND xã Thuận Hạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Xuân Hoàng

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 9 năm 2016; đơn khởi kiện bổ sung ngày 07/12/2016 và trong quá trình xét xử chị Trần Thị Cúc trình bày:

Chị Trần Thị Cúc và anh Vũ Văn Hưng lập gia đình và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông vào năm 2000. Quá trình đến với nhau hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Lý do chị Trần Thị Cúc làm đơn xin ly hôn với anh Vũ Văn Hưng là do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, anh Hưng thường xuyên uống rượu, đánh đập chị. Mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị Trần Thị Cúc yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đắk Song giải quyết cho chị và anh Hưng được ly hôn.

Trong quá trình chung sống chị Trần Thị Cúc và anh Hưng có 03 con chung là các cháu: Vũ Thị Bích Đào, sinh ngày 29/8/2000; cháu Vũ Thị Thu Mai, sinh ngày 29/8/2002 hiện cháu Đào và Mai đang ở với chị Trần Thị Cúc; cháu Vũ Minh Tuấn, sinh ngày 11/6/2006 hiện đang ở với anh Hưng.

Tài sản chung của anh chị gồm có:

+Thửa đất số 309 tờ bản đồ số 24, diện tích 430m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số BH534991 do Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Đắk Song cấp ngày 25/7/2014 mang tên hộ anh Vũ Văn Hưng và chị Trần Thị Cúc, đất tọa lạc tại thôn Thuận Lợi, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song. Tài sản trên đất 01 nhà gỗ chính diện tích 9,2m x 5,6m = 51,52m² kết cấu khung gỗ xe, mái lợp ngói, vách xây lững gạch 4 lỗ cao 1,5m trên thưng ván, nền xi măng, 01 nhà tạm gắn liền nhà chính diện tích 6m x 3,7m = 22,2m² kết cấu mái lợp tôn, vách xây gạch 4 lỗ, giữa ngăn ván xê, 01 nhà bếp diện tích 2m x 6m = 12m² kết cấu xung quanh thưng ván và tôn kẽm cao 2m, 01 nhà kho diện tích 3,2 x 5,6m lợp tôn, vách không thưng, 01 nhà tắm, vệ sinh xây gạch 4 lỗ nền gạch men, ốp gạch men tường, cửa nhôm, 01 giếng nước sinh hoạt rộng 1,2m sâu 8m có nắp đậy bê tông, 01 hàng rào lưới b40 dài 8m.

+ Thửa đất số 133 tờ bản đồ số 24, diện tích 2100m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN110112 do UBND huyện Đắk Song cấp năm 2008 mang tên hộ anh Vũ Văn Hưng và chị Trần Thị Cúc, đất tọa lạc tại thôn Thuận Lợi, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song tài sản trên đất 430 trụ tiêu trong đó 240 trụ trồng năm 2015, 190 trụ trồng năm 2016.

+Thửa đất số 20 tờ bản đồ số 25, diện tích 10.815m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN110113 do UBND huyện Đắk Song cấp năm 2008 mang tên hộ

anh Vũ Văn Hưng và chị Trần Thị Cúc tọa lạc tại thôn Thuận Lợi, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song;

Tài sản trên đất;

+ 01 nhà rẫy tạm, diện tích 4m x 4.8m, tường xây gạch không tô cao 2.2m, cửa tạm bằng ván, nền xi măng, mái lợp tôn. Căn nhà vẫn đang sử dụng ổn định, được làm từ 2007; 01 ao chứa nước có diện tích 10m x 25m, sâu 3.5m; 847 cây cà phê; 300 cây tiêu; 50 cây gòn trồng năm 2013 có tiêu; 08 cây muồng trồng năm 2000; 05 cây bơ trồng năm 2000.

+ 01 xe máy hãng honda RX, BKS 48F1 – 02013 mang tên Trần Thị Cúc.

+ Sản lượng thu hoạch cà phê, tiêu vụ mùa năm 2016 – 2017 đã trừ chi phí đầu tư và thu hoạch là 110.000.000 đồng.

Chị Trần Thị Cúc nhất trí tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng được Hội đồng định giá theo giá thị trường theo Biên bản định giá ngày 08/02/2018 là 1.276.936.000đ

Về nợ chung: Quá trình chung sống anh chị có nợ Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn 100.000.000đ, Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đắk Song số tiền 30.000.000đ và lãi suất, nợ chị Vũ Thị Hoa số tiền 10.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn Thao 100 kg cà phê nhân xô, anh Trần Văn Sỹ và chị Vũ Thị Chung 01 chỉ vàng 9999.

Nay chị Trần Thị Cúc đề nghị Tòa án giải quyết như sau;

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Cúc xin được ly hôn với anh Vũ Văn Hưng.

- Về con chung: Chị Trần Thị Cúc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vũ Thị Bích Đào, sinh ngày 29/8/2000; cháu Vũ Thị Thu Mai, sinh ngày 29/8/2002; cháu Vũ Minh Tuấn, sinh ngày 11/6/2006 đến tuổi trưởng thành.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Cúc yêu cầu anh Hưng cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng/3 cháu.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị Cúc yêu cầu Tòa án chia đôi giá trị tài sản chung bao gồm:

+Thửa đất số 309 tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại thôn Thuận Lợi, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song và toàn bộ tài sản trên đất.

+Thửa đất số 133 tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại thôn Thuận Lợi, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song và toàn bộ tài sản trên đất.

+Thửa đất số 20 tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại thôn Thuận Lợi, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song và toàn bộ tài sản trên đất.

+ 01 xe máy hãng honda RX, BKS 48F1 – 02013 mang tên Trần Thị Cúc

+ Sản lượng thu hoạch cà phê, tiêu vụ mùa năm 2016 – 2017 đã trừ chi phí đầu tư và thu hoạch là 110.000.000 đồng.

Về nợ chung: Chị Trần Thị Cúc yêu cầu Tòa án chia đôi toàn bộ nợ chung của anh chị đối với khoản nợ của chị Vũ Thị Hoa, Ngân hàng chính sách xã hội, anh Nguyễn Văn Thao, anh Trần Văn Sỹ và chị Vũ Thị Chung.

Đối với các khoản nợ khác theo đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2016 hiện anh chị đã trả nên chị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án và trong quá trình xét xử bị đơn anh Vũ Văn Hưng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hưng thừa nhận lời trình bày của chị Trần Thị Cúc về tình trạng hôn nhân của anh với chị Trần Thị Cúc và vấn đề con chung là đúng. Tuy

nhiên anh Hưng cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng và tình cảm dành cho chị Trần Thị Cúc vẫn còn nên anh Hưng không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị Cúc.

Về con chung: Anh Hưng yêu cầu nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vũ Thị Bích Đào, sinh ngày 29/8/2000; cháu Vũ Thị Thu Mai, sinh ngày 29/8/2002; cháu Vũ Minh Tuấn, sinh ngày 11/6/2006 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị Trần Thị Cúc cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh Vũ Văn Hưng thừa nhận các tài sản chung sau:

+ Thừa đất số 309 tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại thôn Thuận Lợi, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song và toàn bộ tài sản trên đất.

+Thừa đất số 20 tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại thôn Thuận Lợi, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song và toàn bộ tài sản trên đất.

+01 xe máy hãng honda RX, BKS 48F1 – 02013 mang tên Trần Thị Cúc

- Đối với thửa đất số số 133 tờ bản đồ số 24, diện tích 2100m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN110112 do UBND huyện Đắk Song cấp năm 2008 mang tên hộ anh Vũ Văn Hưng và chị Trần Thị Cúc, đất tọa lạc tại thôn Thuận Lợi, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song tài sản trên đất 430 trụ tiêu trồng đó 240 trụ trồng năm 2015, 190 trụ trồng năm 2016 là tài sản riêng của mẹ anh cho vợ chồng mượn để vay ngân hàng chứ không phải là tài sản chung của vợ chồng nay anh đề nghị trả lại cho các anh chị của anh để làm hương hỏa thờ cúng bố mẹ.

Về nợ chung: Anh Hưng thừa nhận quá trình chung sống anh chị có nợ chung như chị Trần Thị Cúc trình bày. Ngoài ra theo anh Hưng thì anh chị còn nợ chị Vũ Thị Thủy 10.000.000 đồng; anh Tống Văn Lương 1.000.000 đồng; anh Bùi Văn Dực 3.000.000 đồng; đại lý Minh Ước 10.000.000 đồng. anh đã trả cho Ngân hàng nông nghiệp huyện Đắk Song số tiền 100.000.000đồng, anh Dực 3.000.000đồng, anh Lương 1.000.000đồng, Minh Ước 10.000.000đ khi thu hoạch mùa năm 2017.

Anh Vũ Văn Hưng không có ý kiến gì về kết của định giá theo biên bản định giá ngày 08/02/2018 của Hội đồng định giá

Tại các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (NCQL&NVLQ) Ngân hàng chính sách xã hội ông Đinh Văn Dũng trình bày: Hộ anh Vũ Văn Hưng và chị Trần Thị Cúc có vay vốn theo diện hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn của Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 23/3/2016 và hạn trả nợ là ngày 04/3/2019. Tuy nhiên, khi vay thì Ngân hàng bình xét cho hộ gia đình vay nên hiện nay chị Trần Thị Cúc và anh Hưng ly hôn nên Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu anh Hưng và chị Trần Thị Cúc phải trả toàn bộ số tiền gốc là 30.000.000đ và lãi suất là 4.417.500đ tính đến ngày xét xử (ngày 03/8/2018) và tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi trả xong khoản nợ.

Tại các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án NCQL&NVLQ anh Nguyễn Văn Thao trình bày: Vào khoảng năm 2016 vợ chồng anh Hưng chị Trần Thị Cúc có vay của anh Thao 100kg cà phê nhân xô đủ độ, khi vay hai bên không có thỏa thuận hay lập giấy tờ gì vì là chỗ quen biết. Số cà phê trên là tài sản riêng của anh Thao, quan điểm của anh Thao đề nghị Tòa án buộc anh Hưng hoặc chị Trần Thị Cúc trả số cà phê này. Tuy nhiên, vì điều kiện công việc bận nên anh không thể tham gia tố tụng và xin được xét xử vắng mặt.

Tại các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án NCQL&NVLQ chị Vũ Thị Chung trình bày: Việc các em của chị không ở được với nhau nên ly hôn thì anh không có ý

kiến gì. Trong quá trình còn chung sống với nhau chị Trần Thị Cúc và anh Hưng có mượn của anh chị 1 chỉ vàng 9999, thời điểm vay anh chị không nhớ vì đã lâu, khi cho mượn hai bên không có thỏa thuận hay lập giấy tờ gì vì anh Hưng là em trai của chị Chung. Nay anh Hưng và chị Trần Thị Cúc ly hôn anh chị đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh Hưng chị Trần Thị Cúc trả 1 chỉ vàng 9999. Đối với thửa đất số 133 tờ bản đồ 24 tọa lạc tại Thôn Thuận Lợi, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông được cấp GCNQSDĐ mang tên anh Vũ Văn Hưng và chị Trần Thị Cúc trước đây là của mẹ chị Chung giao khoán cho vợ chồng Hưng, Cúc, tuy nhiên đến sau mẹ chị bán lại và sang tên cho anh Hưng chị Trần Thị Cúc với số tiền 40.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng là hoàn toàn tự nguyện, khi chuyển nhượng vợ chồng anh Hưng, chị Cúc còn nợ mẹ chị Chung ít tiền, tuy nhiên sau khi mẹ chị Chung chết thì cả gia đình họp lại và thống nhất mẹ chết rồi nên vợ chồng anh Hưng, chị Cúc không phải trả cho mẹ nữa

Tại các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án NCQL&NVLQ anh Trần Văn Sỹ: Việc các em của anh không ở được với nhau nên ly hôn thì anh không có ý kiến gì. Trong quá trình còn chung sống với nhau chị Cúc và anh Hưng có mượn của anh chị 1 chỉ vàng 9999, thời điểm vay anh chị không nhớ vì đã lâu, khi cho mượn hai bên không có thỏa thuận hay lập giấy tờ gì vì anh Hưng là em trai của chị Chung. Nay anh Hưng và chị Cúc ly hôn anh chị đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh Hưng chị Cúc trả 1 chỉ vàng 9999. Tuy nhiên, vì có công việc bận đột xuất nên anh không thể tham gia tố tụng và xin được xét xử vắng mặt.

Tại các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án NCQL&NVLQ chị Vũ Thị Hoa trình bày: Việc các em của chị không ở được với nhau nên ly hôn thì anh không có ý kiến gì. Trong quá trình còn chung sống với nhau chị Cúc và anh Hưng có mượn của chị số tiền 10.000.000 đồng, thời điểm vay chị không nhớ vì đã lâu, khi cho mượn hai bên không có thỏa thuận hay lập giấy tờ gì vì anh Hưng là em trai của chị Hoa. Nay anh Hưng và chị Cúc ly hôn anh chị đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh Hưng chị số tiền 10.000.000 đồng, không đề nghị tính lãi suất. Đối với thửa đất số 133 tờ bản đồ 24 tọa lạc tại Thôn Thuận Lợi, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông được cấp GCNQSDĐ mang tên anh Vũ Văn Hưng và chị Trần Thị Cúc trước đây là của mẹ chị giao khoán cho vợ chồng Hưng, Cúc, tuy nhiên đến sau mẹ chị bán lại và sang tên cho anh Hưng chị Cúc với số tiền 40.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng là hoàn toàn tự nguyện, khi chuyển nhượng vợ chồng Hưng Cúc còn nợ mẹ chị ít tiền, tuy nhiên sau khi mẹ chị chết thì cả gia đình họp lại và thống nhất mẹ chết rồi nên vợ chồng Hưng Cúc không phải trả cho mẹ nữa.

Tại các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án NCQL&NVLQ anh Vũ Hồng Phong trình bày: Việc các em của anh không ở được với nhau nên ly hôn thì anh không có ý kiến gì. Đối với thửa đất số 133 tờ bản đồ 24 tọa lạc tại Thôn Thuận Lợi, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông được cấp GCNQSDĐ mang tên anh Vũ Văn Hưng và chị Trần Thị Cúc trước đây là của mẹ chị giao khoán cho vợ chồng Hưng, Cúc, tuy nhiên đến sau mẹ chị bán lại và sang tên cho anh Hưng chị Cúc với số tiền 40.000.000 đồng. Việc chuyển nhượng là hoàn toàn tự nguyện, khi chuyển nhượng vợ chồng Hưng Cúc còn nợ mẹ chị ít tiền, tuy nhiên sau khi mẹ chị chết thì cả gia đình họp lại và thống nhất mẹ chết rồi nên vợ chồng Hưng Cúc không phải trả cho mẹ nữa.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị Cúc vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, bị đơn anh Vũ Văn Hưng đề nghị chị Cúc về giải quyết xong nợ nần rồi ly hôn. Đối với thửa đất số 133 tờ bản đồ 24 tọa lạc tại Thôn Thuận Lợi, huyện Đắk Song,

tỉnh Đắk Nông được cấp GCNQSDĐ mang tên anh Vũ Văn Hưng và chị Trần Thị Cúc trước đây là của mẹ chị giao khoán cho vợ chồng anh nên giờ anh đề nghị trả lại cho các anh chị của anh là Vũ Hồng Phong, Vũ Thị Hoa, Vũ Thị Chung, Vũ Thị Nhàng, Vũ Thị Thủy, tài sản còn lại yêu cầu chia đôi. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Vũ Hồng Phong, Vũ Thị Hoa, Vũ Thị Chung, Vũ Thị Nhàng, Vũ Thị Thủy thay đổi lời khai cho rằng thừa đất trên của mẹ anh Hưng cho anh Hưng, chị Cúc mượn để làm ăn và vay ngân hàng chứ không có việc mua bán, đồng thời đề nghị anh Hưng, chị Cúc trả lại thừa đất số 133 tờ bản đồ số 24 để làm hương hỏa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và về nội dung vụ án phát biểu như sau:

Qua nghiên cứu đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng thì thấy: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật và việc thụ lý giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày tranh tụng của các bên đương sự tại phiên tòa, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Cúc.

Các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án: Giấy đăng ký kết hôn bản gốc; bản sao giấy khai sinh của con; Giấy chứng nhận QSDĐ, sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân (bản chứng thực) đây là tình tiết, sự kiện các bên đương sự đã thống nhất nên không phải chứng minh.

Các bên đương sự không thống nhất với nhau về toàn bộ nội dung vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] - Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Nguyên đơn chị Trần Thị Cúc khởi kiện anh Vũ Văn Hưng về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn có địa chỉ tại thôn Thuận Lợi, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Đinh Văn Dũng – Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội phòng giao dịch huyện Đắk Song, anh Nguyễn Văn Thao, anh Trần Văn Sỹ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định xử vắng mặt.

- Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Cúc và anh Vũ Văn Hưng kết hôn trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông vào năm 2000 nên HĐXX xét thấy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian đầu chung sống anh chị hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau dẫn đến tình trạng cãi vã, anh Hưng thường xuyên đánh đập chị Cúc. Chị Cúc xác định tình cảm vợ chồng không thể đoàn tụ được với nhau. Hiện chị Cúc và anh Hưng cũng đã ly thân

với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Theo xác minh tại hàng xóm nơi chị Cúc và anh Hưng chung sống thì hai vợ chồng anh chị thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nhiều năm nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Cúc và anh Hưng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị Cúc, cho chị Trần Thị Cúc ly hôn với anh Vũ Văn Hưng.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Cúc và anh Vũ Văn Hưng có 03 con chung là các cháu: Vũ Thị Bích Đào, sinh ngày 29/8/2000; cháu Vũ Thị Thu Mai, sinh ngày 29/8/2002 hiện cháu Đào và Mai đang ở với chị Trần Thị Cúc; cháu Vũ Minh Tuấn, sinh ngày 11/6/2006 hiện đang ở với anh Vũ Văn Hưng, nguyện vọng của các cháu đều muốn ở với chị Cúc. Nguyện vọng của chị Trần Thị Cúc và anh Vũ Văn Hưng đều muốn được nuôi con chung. Điều này thể hiện trách nhiệm của người làm cha, làm mẹ đối với con. HĐXX xét thấy việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, đảm bảo cho việc phát triển toàn diện của các cháu. Xét thấy chị Trần Thị Cúc và anh Vũ Văn Hưng là người làm nông thuần túy, ngoài thu nhập từ việc làm nương rẫy anh chị không còn thu nhập nào khác nên không thể giao cả 03 con chung cho chị Cúc hoặc anh Hưng nuôi dưỡng. Do vậy, để đảm bảo cho việc nuôi con chung được đảm bảo cho sự phát triển của các cháu, HĐXX xét thấy cần giao cháu Vũ Thị Bích Đào, sinh ngày 29/8/2000; cháu Vũ Thị Thu Mai, sinh ngày 29/8/2002 cho chị Trần Thị Cúc trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi trưởng thành, giao cháu Vũ Minh Tuấn, sinh ngày 11/6/2006 có nguyện vọng được ở với mẹ nhưng HĐXX xét thấy cần giao cháu Vũ Minh Tuấn cho anh Vũ Văn Hưng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành mới phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do cháu Vũ Thị Bích Đào, sinh ngày 29/8/2000 được giao cho chị Cúc nuôi dưỡng nhưng cháu Đào tính từ ngày xét xử còn 26 ngày nữa là trưởng thành đủ 18 tuổi chị Cúc chỉ phải nuôi cháu Vũ Thị Thu Mai sinh ngày 29/8/2002 còn anh Vũ Văn Hưng phải nuôi cháu Vũ Minh Tuấn sinh ngày 11/6/2006 là tương đương nhau nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung:

5.1 Trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị Cúc và anh Vũ Văn Hưng thống nhất vợ chồng có tài sản chung như sau:

+Thửa đất số 309 tờ bản đồ số 24, diện tích 430m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH534991 do UBND huyện Đắk Song cấp ngày 25 tháng 7 năm 2014 mang tên hộ anh Vũ Văn Hưng và chị Trần Thị Cúc, đất tọa lạc tại thôn Thuận Lợi, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song và toàn bộ tài sản trên đất.

+Thửa đất số 20 tờ bản đồ số 25, diện tích 10.815m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN110113 do UBND huyện Đắk Song cấp năm 2008 mang tên hộ anh Vũ Văn Hưng và chị Trần Thị Cúc tọa lạc tại thôn Thuận Lợi, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song và toàn bộ tài sản trên đất.

+01 xe máy hãng honda RX, BKS 48F1 – 02013 mang tên Trần Thị Cúc.

5.2 Tài sản không thống nhất được:

+Anh Vũ Văn Hưng cho rằng thửa đất số 133 tờ bản đồ số 24, diện tích 2100m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN110112 do UBND huyện Đăk Song cấp năm 2008 mang tên hộ anh Vũ Văn Hưng và chị Trần Thị Cúc, đất tọa lạc tại thôn Thuận Lợi, xã Thuận Hạnh, huyện Đăk Song và toàn bộ tài sản trên đất là tài sản riêng của mẹ anh cho vợ chồng mượn để vay ngân hàng chứ không phải là tài sản chung của vợ chồng còn chị Trần Thị Cúc xác định là tài chung của vợ chồng do mẹ chồng tặng cho. Tại phiên tòa hôm nay anh Vũ Hồng Phong, chị Vũ Thị Thủy, chị Vũ Thị Chung, chị Vũ Thị Hoa là anh, chị ruột của anh Vũ Văn Hưng xác định thửa đất nay trước đây là của mẹ anh Hưng giao khoán cho vợ chồng anh Hưng, chị Cúc sau đó chuyển nhượng lại và sang tên GCNQSDĐ cho anh Hưng chị Cúc. Anh Hưng, chị Cúc đã canh tác sử dụng ổn định thửa đất trên từ thời điểm đó đến nay giờ anh Hưng chị Cúc không ở được với nhau nữa thì đề nghị trả lại đất cho mấy anh chị em anh Hưng để làm hương hỏa từ đường. Vấn đề này HĐXX xét thấy năm 2000 anh Hưng và chị Cúc lấy nhau về ở trên diện tích đất thuộc thửa 133 bây giờ cùng với gia đình mẹ anh Hưng, quá trình chung sống đến năm 2008 thì nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân, mẹ anh Hưng là bà Thanh sống chung với vợ chồng anh Hưng, chị Cúc nhưng không kê khai mà lập Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất vào ngày 05/5/2008 tại UBND xã Thuận Hạnh để anh Hưng, chị Cúc là người đi kê khai làm thủ tục cấp giấy chứng nhận. Ngày 31/7/2008 anh Hưng, chị Cúc được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 110112, thuộc thửa 133, tờ bản đồ 24, diện tích 2100m² Sau đó anh Hưng, chị Cúc sử dụng phát triển khai hoang thêm, trồng các loại cây lâu năm như, tiêu, cà phê ...mẹ anh Hưng lúc đó còn sống và các anh chị em trong gia đình của anh Hưng đều biết, nhưng cũng không ai có ý kiến gì. Theo xác minh tại phòng TN&MT huyện Đăk Song thì việc cấp GCNQSDĐ cho anh Hưng và chị Cúc đối với thửa đất trên là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Như vậy, từ khi anh Hưng, chị Cúc được cấp giấy chứng nhận năm 2008 cho đến khi việc ly hôn của anh Hưng và chị Cúc năm 2016 gia đình bên anh Hưng không ai có khiếu nại gì về việc cấp đất và sử dụng đất nêu trên. Do đó, việc anh, chị, em của anh Hưng khai rằng chị Cúc tự ý khai giấy tờ đất, đất chỉ cho mượn khoán, các anh chị không biết việc kê khai đất là không có cơ sở chấp nhận. Như vậy, có căn cứ để xác định lời khai của chị Cúc về việc gia đình bên anh Hưng là mẹ anh Hưng đã cho anh Hưng, chị Cúc thửa đất số 133 tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại thôn Thuận Lợi, xã Thuận Hạnh, huyện Đăk Song và toàn bộ tài sản trên đất là tài sản chung của anh Hưng, chị Cúc.

5.3. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/12/2016, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ bổ sung ngày 10/01/2018 xác định;

+Trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xác định thửa đất số 309 tờ bản đồ số 24, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH534991 do UBND huyện Đăk Song cấp ngày 25/7/2014 mang tên hộ anh Vũ Văn Hưng và chị Trần Thị Cúc, đất tọa lạc tại thôn Thuận Lợi, xã Thuận Hạnh, huyện Đăk Song có diện tích 430m² nhưng đo thực thể xác định thửa đất trên có diện tích 610m²

+ Trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xác định thửa đất số 133 tờ bản đồ số 24, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN110112 do UBND huyện Đăk Song cấp năm 2008 mang tên hộ anh Vũ Văn Hưng và chị Trần Thị Cúc, đất tọa

lạc tại thôn Thuận Lợi, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song có diện tích 2100m², nhưng đo thực thể xác định thửa đất trên có diện tích 5617,4m²

+ Trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xác định thửa đất số 20 tờ bản đồ số 25, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN110113 do UBND huyện Đắk Song cấp năm 2008 mang tên hộ anh Vũ Văn Hưng và chị Trần Thị Cúc tọa lạc tại thôn Thuận Lợi, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song có diện tích 10.815m² nhưng đo thực thể xác định thửa đất trên có diện tích 11.085m²

Do có sự khác nhau về diện tích đất thực tế sử dụng của anh Hưng, chị Cúc trong các thửa đất nên Tòa án đã làm việc với các hộ dân xung quanh xác định không có tranh chấp và xác minh tại phòng tài nguyên môi trường ngày 10/01/2018 được trả lời các thửa đất trên khác với diện tích sử dụng thực tế dù không có tranh chấp với các hộ dân liền kề vì quá trình sử dụng có biến động về đất, phần ranh giới chưa được khai phá hết, hộ ông Hưng, bà Cúc đã khai phá sử dụng thêm do đó có sự khác biệt về diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đất thực tế dù không có lần chiếm tranh chấp với các hộ liền kề, về trình tự thủ tục cấp đất đúng theo quy định của pháp luật. Do quá trình sử dụng anh Hưng chị Cúc không có tranh chấp với các hộ dân liền kề nên HĐXX sẽ căn cứ vào diện tích đất thực tế đo đạc để chia cho anh Hưng, chị Cúc.

5.4 Tại Biên bản định giá ngày 08/02/2018 theo giá thị trường xác định;

5.4.1 Thửa đất thứ nhất: Có diện tích 11.085 m², qua khảo sát giá đất tại thôn Thuận Lợi, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tại thời điểm tiến hành định giá thì giá trị của thửa đất trên là 350.000.000 đồng

+ Tài sản trên đất;

+ +01 nhà rẫy tạm, diện tích 4m x 4.8m, tường xây gạch không tô cao 2.2m, cửa tạm bằng ván, nền xi măng, mái lợp tôn. Căn nhà vẫn đang sử dụng ổn định, được làm từ 2007. Giá trị sử dụng còn khoảng 60 %. Có giá trị là 11.000.000 đồng.

01 ao chứa nước có diện tích 10m x 25m, sâu 3.5m. Có giá trị là 17.500.000 đồng.

- 847 cây cà phê, cụ thể:

+ 397 cây cà phê trồng năm 1997, trong đó:

Loại A: 280 cây. Có giá trị là 280 x 284.000đ = 79.520.000 đồng

Loại B: 85 cây. Có giá trị là 85 x 227.000đ = 19.295.000 đồng

Loại C: 30 cây. Có giá trị là 30 x 156.000đ = 4.680.000 đồng

Loại D: 02 cây. Có giá trị là 02 x 57.000đ = 114.000 đồng.

+ 450 cây cà phê trồng năm 2000, trong đó:

Loại A: 390 cây. Có giá trị là 390 x 284.000đ = 110.760.000 đồng

Loại B: 33 cây. Có giá trị là 33 x 227.000đ = 7.491.000 đồng.

Loại C: 25 cây. Có giá trị là 25 x 156.000đ = 3.900.000 đồng.

Loại D: 02 cây. Có giá trị là 02 x 57.000đ = 114.000 đồng.

- 300 cây tiêu, cụ thể:

+ 170 cây tiêu trồng năm 2011, trong đó:

Loại A: 140 cây. Có giá trị là 140 x 680.000đ = 95.200.000 đồng

Loại B: 27 cây. Có giá trị là 27 x 543.000đ = 14.661.000 đồng

Loại C: 03 cây. Có giá trị là 03 x 407.000đ = 1.221.000 đồng

+ 170 cây gòn có tiêu leo. Có giá trị là $170 \times 60.000 \text{ đồng} = 10.200.000 \text{ đồng}$
 + 130 cây tiêu trồng năm 2013, trong đó:
 Loại A: 107 cây. Có giá trị là $107 \times 420.000 \text{ đ} = 44.940.000 \text{ đồng}$
 Loại B: 21 cây. Có giá trị là $21 \times 336.000 \text{ đ} = 7.056.000 \text{ đồng}$
 Loại C: 02 cây. Có giá trị là $02 \times 252.000 \text{ đ} = 504.000 \text{ đồng}$
 + 130 trụ gỗ có tiêu leo. Có giá trị là $130 \times 50.000 \text{ đ} = 6.500.000 \text{ đồng}$.
 + 50 cây gòn trồng năm 2013 có tiêu leo. Có giá trị là $50 \times 60.000 \text{ đ} = 3.000.000 \text{ đồng}$.
 - 08 cây muồng trồng năm 2000. Có giá trị là $08 \times 100.000 \text{ đồng} = 800.000 \text{ đồng}$.
 - 05 cây bơ trồng năm 2000. Có giá trị là $05 \times 600.000 \text{ đồng} = 3.000.000 \text{ đồng}$.
 Tổng giá trị tài sản thừa thứ nhất là 791.456.000 đồng (*Bảy trăm chín mươi mốt triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

5.4.2 Thừa đất thứ hai: Có diện tích 5617,4 m² qua khảo sát giá đất tại thôn Thuận Lợi, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tại thời điểm tiến hành định giá thì giá trị của thừa đất trên là 200.000.000 đồng

- 430 cây tiêu, cụ thể:
 + 240 cây tiêu trồng năm 2015, trong đó:
 Loại B: 100 cây. Có giá trị là $100 \times 202.000 \text{ đ} = 20.200.000 \text{ đồng}$.
 Loại C: 140 cây. Có giá trị là $140 \times 151.000 \text{ đ} = 21.140.000 \text{ đồng}$.
 + 240 cây gòn trồng năm 2015 có tiêu leo. Có giá trị là $240 \times 48.000 \text{ đ} = 11.520.000 \text{ đồng}$.
 + 190 cây tiêu trồng năm 2016, trong đó:
 Loại B: 50 cây. Có giá trị là $50 \times 152.000 \text{ đ} = 7.600.000 \text{ đồng}$
 Loại C: 140 cây. Có giá trị là $140 \times 113.000 \text{ đ} = 15.820.000 \text{ đồng}$
 + 190 trụ gỗ tạm có tiêu leo. Có giá trị là $190 \times 50.000 \text{ đồng} = 9.500.000 \text{ đồng}$.
 Tổng giá trị tài sản thừa thứ hai có giá trị là 285.780.000 đồng (*Hai trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng*).

5.4.3. Thừa đất thứ ba: có diện tích 611m² có giá là 150.000.000 đồng đất tọa lạc tại thôn Thuận Lợi, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song. Tài sản trên đất 01 nhà gỗ chính diện tích 9,2m x 5,6m = 51,52m² kết cấu khung gỗ xe, mái lợp ngói, vách xây lững gạch 4 lỗ cao 1,5m trên thưng ván, nền xi măng, 01 nhà tạm gắn liền nhà chính diện tích 6m x 3,7m = 22,2m² kết cấu mái lợp tôn, vách xây gạch 4 lỗ, giữa ngăn ván xê, 01 nhà bếp diện tích 2m x 6m = 12m² kết cấu xung quanh thưng ván và tôn kẽm cao 2m, 01 nhà kho diện tích 3,2 x 5,6m lợp tôn, vách không thưng. Căn nhà vẫn đang sử dụng ổn định làm từ năm 2006 giá trị sử dụng còn khoảng 60% có giá trị là 40.000.000 đồng; 01 nhà tắm, vệ sinh xây gạch 4 lỗ nền gạch men, ốp gạch men tường, cửa nhôm Căn nhà vẫn đang sử dụng ổn định làm từ năm 2009 có giá trị là 4.500.000 đồng; 01 giếng nước sinh hoạt rộng 1,2m sâu 8m có nắp đáy bê tông có giá là 4.000.000 đồng; 01 hàng rào lưới b40 dài 8m có giá là 1.200.000 đồng.
 Tổng giá trị đất và tài sản trên đất thừa thứ ba là 199.700.000 đồng (*Một trăm chín mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng*).

5.4.4. Tài sản thứ tư: 01 xem máy hon da RX biêm kèm soát 48F1-02013 có giá trị 10.000.000 đồng

5.4.5 Tài sản thứ năm: Đối với sản lượng thu hoạch cà phê vụ mùa 2016-2017 chị Cúc yêu cầu Tòa án chia đôi, sản lượng do anh Hưng thu hoạch và cất giữ sau khi trừ chi phí còn lại 110.000.000 đồng, chi phí đầu tư trước khi thu hoạch thời điểm đó chị Cúc và anh Hưng vẫn chung sống nên chị Cúc đã đầu tư trước đó nên anh Hưng chỉ bỏ công thu hoạch. Tòa án tiến hành triệu tập anh Hưng lên làm việc nhưng anh Hưng không hợp tác. Chị Cúc cung cấp hóa đơn xác nhận của đại lý nơi anh Hưng trực tiếp gửi và bán cà phê vào thời gian thu hoạch vụ mùa 2016 – 2017. Tòa án tiến hành lấy lời khai của chị Vũ Thị Thắm là chủ đại lý nơi anh Hưng trực tiếp gửi và bán cà phê vào thời gian thu hoạch vụ mùa 2016 – 2017 thì chị Thắm xác nhận có sự việc anh Hưng gửi và bán 13.603kg cà phê tươi cho đại lý nhà chị với giá 8.800 đồng/kg, tổng cộng được số tiền 119.706.000 đồng. HĐXX xét thấy có căn cứ để HĐXX xác định sản lượng cà phê vụ mùa 2016 – 2017 là tài sản chung của anh Hưng, chị Cúc do anh Hưng thu hoạch và sử dụng, quy ra tiền sau khi trừ chi phí còn lại 110.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng anh Vũ Văn Hưng, chị Trần Thị Cúc là 1.396.936.000 đồng.

Anh Vũ Văn Hưng và chị Trần Thị Cúc thống nhất giá trị tài sản chung vợ chồng theo như Hội đồng định giá tài sản đã xác định tổng cộng là 1.396.936.000 đồng nhưng không thống nhất được với nhau về việc chia tài sản chung vợ chồng.

Xét yêu cầu của chị Trần Thị Cúc về việc đề nghị Tòa án chia đôi tài sản chung của vợ chồng và công nợ; HĐXX xét thấy yêu cầu chia tài sản của chị Cúc là có căn cứ, công sức đóng góp của anh chị là ngang nhau nên mỗi bên được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, tài sản và quyền sử dụng của chị Cúc và anh Hưng là hợp pháp nên yêu cầu chia đôi diện tích đất và tài sản của chị Cúc là có căn cứ, phù hợp với các quy định tại Điều 33, Điều 59 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cụ thể giá trị phân tài sản mỗi bên được nhận là tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng là 1.396.936.000 đồng : 2 = 698.468.000 đồng chưa trừ đi số nợ chung. Việc phân chia tài sản chung cho các bên cần phải trừ đi số nợ chung sau đó mới chia cụ thể và phải đảm bảo điều kiện về chỗ ở và nguồn thu vì các bên chỉ có nguồn thu từ việc làm nương rẫy. HĐXX xét thấy cần chia tài sản của các đương sự như sau;

Giao cho chị Trần Thị Cúc được toàn quyền sử dụng, định đoạt quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 20 tờ bản 25 tọa lạc tại thôn Thuận Nghĩa, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông diện tích là 11.085 m² có tứ cận: phía đông giáp đất ông Nguyễn Văn Quang; phía tây giáp sinh cận; phía nam giáp sinh; phía bắc giáp đất bà Lê Thị Tơ và toàn bộ tài sản trên đất có giá trị tài sản là: 791.456.000 đồng (*Bảy trăm chín mươi một triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng*) trong đó 11.085 m² đất giá trị là 350.000.000 đồng, tài sản trên đất có giá trị là 441.456.000 đồng

- Giao cho chị Trần Thị Cúc được toàn quyền sử dụng 01 xe máy hon da RX biêm kèm soát 48F1-02013 có giá trị 10.000.000 đồng

Tổng giá trị tài sản chị Trần Thị Cúc được nhận là 801.456.000 đồng

- Giao cho anh Vũ Văn Hưng được toàn quyền sử dụng, định đoạt quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 133, tờ bản đồ số 24 tọa lạc tại thôn Thuận Lợi, xã Thuận Hạnh,

huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông có diện tích 5617.4 m² có tứ cận: phía đông giáp anh Trần Văn Cường; phía tây giáp anh Ngưỡng; phía nam giáp đường đất; phía bắc giáp anh Ngưỡng và toàn bộ tài sản trên đất có giá trị 285.780.000 đồng, trong đó 5617,4 m² đất giá trị là 200.000.000 đồng, tài sản trên đất có giá trị là 85.780.000 đồng

- Giao cho anh Vũ Văn Hưng được toàn quyền sử dụng đối với thửa đất 309, tờ bản đồ số 24, đất tọa lạc tại thôn Thuận Lợi, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song có diện tích 611m² tứ cận: phía đông giáp đường dài 10m, phía tây nam giáp đất anh Lương, anh Ddê dài 13,5m, phía nam giáp đất anh Thủy dài 47m, phía bắc giáp đất anh Đệ dài 57m có giá là 150.000.000 đồng, tài sản trên đất 49.700.000 đồng. Tổng cộng là 199.700.000 đồng

- Giao cho anh Hưng số tiền 110.000.000 đồng tiền thu hoạch cà phê vụ mà 2016 – 2017 anh Hưng đã thu hoạch giữ tiền

Tổng giá trị tài sản anh Vũ Văn Hưng được nhận là 595.480.000 đồng

- Về nợ chung: Xác định anh Hưng và chị Cúc nợ chung các khoản sau nợ bao gồm; Nợ Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn 100.000.000 đồng, Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đắk Song số tiền 30.000.000 đồng và lãi suất, nợ chị Vũ Thị Hoa số tiền 10.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn Thao 100 kg cà phê nhân xô, anh Trần Văn Sỹ và chị Vũ Thị Chung 1 chỉ vàng 9999. HĐXX xét thấy cần buộc anh Hưng và chị Cúc phải trả các khoản nợ trên nhưng chia cụ thể các khoản nợ anh Hưng, chị Cúc phải trả;

- Anh Vũ Văn Hưng có nghĩa vụ trả:

+ Trả cho Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn 100.000.000 đồng hiện anh Hưng đã tự trả xong số tiền trên nên không đề cập giải quyết.

+ Trả cho anh Trần Văn Sỹ và chị Vũ Thị Chung 01 chỉ vàng 9999 (giá vàng ngày xét xử 03/8/2018 là 3.500.000đồng /chỉ).

Tổng nợ anh Vũ Văn Hưng phải trả là 103.500.000 đồng

- Chị Trần Thị Cúc phải trả các khoản nợ:

+ Trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 30.000.000 đồng và lãi suất là 4.417.500 đồng(tính đến ngày xét xử 03/8/2018). Tổng cộng là 34.417.500 đồng, chị Cúc tiếp tục chịu lãi suất tiếp theo trên số lãi gốc còn lại chưa trả.

+ Trả cho anh Nguyễn Văn Thao 100 kg cà phê nhân xô đủ độ quy ra tiền tại thời điểm xét xử là $100 \times 35.000\text{đồng/kg} = 3.500.000$ đồng;

+ Trả cho chị Vũ Thị Hoa 10.000.000 đồng

Tổng nợ chị Trần Thị Cúc phải trả là 47.917.500 đồng

Như vậy, sau khi trừ đi các khoản nợ chung thì tài sản chung của chị Trần Thị Cúc và anh Vũ Văn Hưng còn lại 1.245.518.500 đồng mỗi người sẽ được nhận tài sản tương đương giá trị 1.245.518.500đồng : 2 = 622.759.000đồng. Chị Trần Thị Cúc nhận được giá trị tài sản tương đương số tiền 753.538.500 đồng. Anh Vũ Văn Hưng còn nhận được giá trị tài sản tương đương số tiền 491.980.000 đồng. Do chị Trần Thị Cúc được chia phần tài sản có giá trị lớn hơn của anh Vũ Văn Hưng nên chị Trần Thị Cúc phải trả lại cho anh Vũ Văn Hưng giá trị phần chênh lệch được chia 130.779.000 đồng.

Chị Trần Thị Cúc và anh Vũ Văn Hưng có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm các thủ tục để được đứng tên sử dụng đối với các lô đất được giao sử dụng theo quy định của pháp luật.

[7] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông là phù hợp nên cần chấp nhận.

[8] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và đo đạc là 12.958.000 đồng mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ chi phí. Chị Trần Thị Cúc đã nộp toàn bộ chi phí này do đó anh Vũ Văn Hưng có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Cúc số tiền 6.479.000 đồng

[9] Về án phí: Chị Trần Thị Cúc là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định là 200.000 đồng. Chị Trần Thị Cúc và anh Vũ Văn Hưng mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia là 28.910.000 đồng

[10] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; Điều 264; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 213, 218, 219, 220 Bộ luật dân sự;

Áp dụng các Điều 33, 51, 53, 56, 58, 59, 62, 81, 82, 83, 84 85 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Cúc

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Cúc được ly hôn với anh Vũ Văn Hưng.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Bích Đào, sinh ngày 29/8/2000; cháu Vũ Thị Thu Mai, sinh ngày 29/8/2002 cho chị Trần Thị Cúc trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục các cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cháu Vũ Minh Tuấn, sinh ngày 11/6/2006 cho anh Vũ Văn Hưng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Hưng, chị Cúc có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này.

Trong trường hợp anh Hưng, chị Cúc lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Hưng hoặc chị Cúc.

Hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3. Về tài sản chung:

3.1 - Giao cho chị Trần Thị Cúc được toàn quyền sử dụng, định đoạt quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 20 tờ bản 25, có diện tích 11.085 m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 110113 mang tên anh Vũ Văn Hưng, chị Trần Thị Cúc do UBND huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông cấp năm 2008, tọa lạc tại thôn Thuận Nghĩa, xã Thuận Hạnh, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông có tứ cận: phía đông giáp đất ông Nguyễn Văn Quang; phía tây giáp sinh cận; phía nam giáp sinh; phía bắc giáp đất bà Lê Thị Tơ và tài sản trên đất gồm; 01 nhà rẫy tạm, diện tích 4m x 4.8m, tường xây gạch không tô cao

2.2m, cửa tạm bằng ván, nền xi măng, mái lợp tôn. 01 ao chứa nước có diện tích 10m x 25m, sâu 3.5m. 847 cây cà phê, 300 cây tiêu, 50 cây gòn trồng năm 2013 có tiêu, 08 cây muồng trồng năm 2000. 05 cây bơ trồng năm 2000. Giá trị tài sản là 791.456.000 đồng (*Bảy trăm chín mươi một triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng*).

3.2/ Giao cho chị Trần Thị Cúc 01 xe máy hang Hon da RX biển kiểm soát 48F1-02013 giá trị tài sản là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

3.3/ Giao cho anh Vũ Văn Hưng được toàn quyền sử dụng, định đoạt quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 133, tờ bản đồ số 24 có diện tích 5617,4 m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 110112 mang tên anh Vũ Văn Hưng, chị Trần Thị Cúc do UBND huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông cấp năm 2008 tọa lạc tại thôn Thuận Lợi, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông có tứ cận: phía đông giáp anh Trần Văn Cường; phía tây giáp anh Ngưỡng; phía nam giáp đường đất; phía bắc giáp anh Ngưỡng và toàn bộ tài sản trên đất và toàn bộ tài sản trên đất gồm;

- 430 cây tiêu trong đó 240 cây tiêu trồng năm 2015; 240 cây gòn trồng năm 2015 có tiêu leo; 190 cây tiêu trồng năm 2016; 190 trụ gỗ tạm có tiêu leo. Giá trị là 285.780.000 đồng.

3.4 / Giao cho anh Vũ Văn Hưng được toàn quyền sử dụng, định đoạt quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 309, tờ bản đồ số 24 có diện tích 610m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH534991 mang tên anh Vũ Văn Hưng, chị Trần Thị Cúc do UBND huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông cấp năm 2014, tọa lạc tại thôn Thuận Lợi, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông có tứ cận: phía đông giáp đường dài 10m; phía tây, nam giáp đất anh Lương và anh Đệ dài 13,5m; phía nam giáp đất anh Thủy dài 47m; phía bắc giáp đất anh Đệ dài 57m và toàn bộ tài sản trên đất và toàn bộ tài sản trên đất gồm;

01 nhà gỗ chính diện tích 9,2m x 5,6m = 51,52m² kết cấu khung gỗ xe, mái lợp ngói, vách xây lững gạch 4 lỗ cao 1,5m trên thưng ván, nền xi măng, 01 nhà tạm gắn liền nhà chính diện tích 6m x 3,7m = 22,2m² kết cấu mái lợp tôn, vách xây gạch 4lỗ, giữa ngăn ván xê, 01 nhà bếp diện tích 2m x 6m = 12m² kết cấu xung quanh thưng ván và tôn kẽm cao 2m, 01 nhà kho diện tích 3,2 x 5,6m lợp tôn, vách không thưng; 01 nhà tắm, vệ sinh xây gạch 4 lỗ nền gạch men, ốp gạch men tường, cửa nhôm; 01 giếng nước sinh hoạt rộng 1,2m sâu 8m có nắp đậy bê tông; 01 hàng rào lưới b40 dài 8m. Giá trị tài sản là 199.700.000đồng (một trăm chín mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng)

3.5/ Chị Trần Thị Cúc phải trả lại cho anh Vũ Văn Hưng giá trị phần chênh lệch về tài sản được chia 130.779.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Do diện tích thực tế sử dụng nhiều hơn diện tích được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chị Trần Thị Cúc và anh Vũ Văn Hưng có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm các thủ tục điều chỉnh để được đứng tên sử dụng đối với các lô đất được giao sử dụng theo quy định của pháp luật.

4. Về nợ chung:

- Buộc anh Vũ Văn Hưng phải có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn Sỹ và chị Vũ Thị Chung 01 chỉ vàng 9999.

- Buộc chị Trần Thị Cúc phải có nghĩa vụ trả các khoản nợ:

+ Trả cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 30.000.000 đồng và lãi suất là 4.417.500đồng(tính đến ngày xét xử 03/8/2018). Tổng cộng là 34.417.500 đồng, chị Cúc tiếp tục chịu lãi suất tiếp theo trên số lãi gốc còn lại chưa trả theo hợp đồng đã ký kết.

+ Trả cho chị Vũ Thị Hoa 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng)

+ Trả cho anh Nguyễn Văn Thao 100 kg cà phê nhân xô đủ độ

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS

5. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và đo đạc là 12.958.000 đồng mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền trên. Chị Trần Thị Cúc đã nộp tạm ứng chi phí trên. Buộc anh Vũ Văn Hưng phải trả lại cho chị Trần Thị Cúc số tiền 6.479.000đồng (Sáu triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng)

6. Về án phí:

+ Chị Trần Thị Cúc phải chịu án phí dân sự về việc ly hôn là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia là 28.910.000 đồng (Hai mươi tám triệu chín trăm mười nghìn đồng), tổng cộng là 29.110.000 đồng (Hai mươi chín triệu một trăm mười nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị Cúc đã nộp là 6.300.000 đồng (sáu triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003868 ngày 05/10/2016 và số tiền 1.375.000đồng (Một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003968 ngày 12/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Chị Trần Thị Cúc còn phải nộp số tiền 21.435.000đồng (Hai mươi một triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

+ Anh Vũ Văn Hưng chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia là 28.910.000đồng (Hai mươi tám triệu chín trăm mười nghìn đồng)

7. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và lợi ích của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và lợi ích của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời

hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.”

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận

- STP tỉnh Đắk Nông;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đắk Song;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- UBND xã Thuận Hạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Xuân Hoàng